

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VAN TƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: KTPL (11B8,9,10,11) - PHÒNG: 27

[illegible]

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: KTPL (11B8,9,10,11) - PHÒNG: 28

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000032	Hà Văn Chiến	01/01/2009	Nam	11B11	
2	11000034	Nguyễn Thị Kim Chung	18/10/2009	Nữ	11B9	
3	11000040	Nguyễn Thành Danh	08/05/2009	Nam	11B11	
4	11000042	Phạm Xuân Diễm	20/05/2009	Nữ	11B9	
5	11000051	Đoàn Thị Mỹ Duyên	07/03/2009	Nữ	11B8	
6	11000052	Hồ Thị Thảo Duyên	06/07/2009	Nữ	11B11	
7	11000053	Lê Thị Mỹ Duyên	25/01/2009	Nữ	11B10	
8	11000054	Nguyễn Ngọc Kiều Duyên	10/02/2009	Nữ	11B8	
9	11000055	Nguyễn Thị Bích Duyên	08/09/2009	Nữ	11B8	
10	11000056	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	30/11/2009	Nữ	11B9	
11	11000057	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	17/07/2009	Nữ	11B10	
12	11000060	Nguyễn Thị Hiếu Dương	14/08/2009	Nữ	11B8	
13	11000062	Trần Nguyễn Bảo Đại	29/09/2009	Nam	11B11	
14	11000064	Huỳnh Khánh Đan	07/05/2009	Nam	11B11	
15	11000069	Phan Văn Đạt	19/10/2009	Nam	11B10	
16	11000072	Nguyễn Minh Đức	08/01/2009	Nam	11B11	
17	11000073	Võ Hoàng Gia	27/11/2009	Nam	11B11	
18	11000075	Lê Thị Kim Ha	25/05/2009	Nữ	11B11	
19	11000079	Võ Thị Thu Hà	31/01/2009	Nữ	11B10	
20	11000086	Trần Thị Mỹ Hảo	08/12/2009	Nữ	11B10	
21	11000087	Đỗ Thị Thanh Hằng	12/08/2009	Nữ	11B8	
22	11000089	Lê Bảo Hân	07/11/2009	Nữ	11B8	
23	11000091	Nguyễn Thị Gia Hân	17/11/2009	Nữ	11B10	
24	11000092	Tạ Gia Hân	02/05/2009	Nữ	11B8	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: KTPL (11B8,9,10,11) - PHÒNG: 29

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000096	Phạm Thị Hiền	05/12/2009	Nữ	11B8	
2	11000100	Phạm Hoàng Hiếu	02/11/2009	Nam	11B8	
3	11000104	Trần Thị Mỹ Hoa	02/06/2009	Nữ	11B8	
4	11000105	Nguyễn Thị Hải Hòa	28/07/2009	Nữ	11B8	
5	11000106	Phan Lê Như Huệ	28/02/2009	Nữ	11B8	
6	11000110	Phạm Tấn Huy	10/12/2009	Nam	11B10	
7	11000111	Phan Chí Huy	01/09/2009	Nam	11B11	
8	11000117	Lê Thị Huyền	28/02/2009	Nữ	11B8	
9	11000118	Trương Khánh Huyền	29/07/2009	Nữ	11B8	
10	11000129	Nguyễn Hoàng Khang	03/06/2009	Nam	11B11	
11	11000131	Nguyễn Văn Chấn Khang	25/12/2009	Nam	11B9	
12	11000134	Huỳnh Nguyễn Duy Khánh	15/06/2009	Nam	11B11	
13	11000135	Huỳnh Xuân Khánh	23/01/2009	Nữ	11B11	
14	11000137	Trần Quốc Khánh	03/10/2009	Nam	11B11	
15	11000139	Bùi Nguyễn Anh Khoa	13/05/2009	Nam	11B8	
16	11000143	Nguyễn Đăng Khoa	17/08/2009	Nam	11B9	
17	11000147	Phạm Ngọc Khuê	13/07/2009	Nữ	11B10	
18	11000148	Võ Minh Khuê	28/08/2009	Nữ	11B11	
19	11000155	Nguyễn Gia Kiệt	17/11/2009	Nam	11B10	
20	11000158	Nguyễn Thị Thảo Kim	25/11/2009	Nữ	11B9	
21	11000161	Bùi Nguyễn Hà Lâm	13/12/2009	Nữ	11B9	
22	11000164	Phan Thị Kim Liên	31/05/2009	Nữ	11B11	
23	11000165	Phan Thúy Liễu	02/11/2009	Nữ	11B11	
24	11000166	Phan Thị Diệu Linh	01/11/2009	Nữ	11B10	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: KTPL (11B8,9,10,11) - PHÒNG: 30

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000169	Trương Hoàng Nhật Linh	04/09/2009	Nữ	11B8	
2	11000171	Võ Thị Ngọc Linh	09/04/2009	Nữ	11B8	
3	11000181	Võ Huỳnh Khánh Ly	19/07/2009	Nữ	11B10	
4	11000182	Võ Thị Cẩm Ly	19/04/2009	Nữ	11B9	
5	11000185	Nguyễn Duy Mạnh	10/04/2009	Nam	11B11	
6	11000190	Bùi Đỗ Huyền My	01/01/2009	Nữ	11B9	
7	11000196	Nguyễn Phạm Ty Na	09/11/2009	Nữ	11B8	
8	11000198	Nguyễn Thị Ly Na	04/02/2009	Nữ	11B11	
9	11000201	Trần Thúy Nga	07/07/2009	Nữ	11B11	
10	11000206	Ngô Phạm Kim Ngân	01/10/2009	Nữ	11B11	
11	11000207	Nguyễn Duy Ngân	29/03/2009	Nam	11B10	
12	11000210	Nguyễn Thị Thúy Ngân	01/09/2009	Nữ	11B11	
13	11000212	Trần Tô Diệu Ngân	15/04/2009	Nữ	11B8	
14	11000213	Trương Thị Thu Ngân	10/08/2009	Nữ	11B9	
15	11000215	Trần Tuyết Nghi	25/07/2009	Nữ	11B10	
16	11000220	Huỳnh Đào Như Ngọc	16/03/2009	Nữ	11B10	
17	11000221	Lê Quý Như Ngọc	17/05/2009	Nữ	11B8	
18	11000223	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	14/04/2009	Nữ	11B8	
19	11000225	Phan Thị Thúy Ngọc	24/08/2009	Nữ	11B11	
20	11000228	Trịnh Yến Ngọc	25/10/2009	Nữ	11B11	
21	11000230	Nguyễn Đan Nguyên	17/01/2009	Nam	11B9	
22	11000231	Nguyễn Thị Nguyên	23/10/2009	Nữ	11B8	
23	11000232	Võ Phan Hoàng Nguyên	05/01/2009	Nam	11B9	
24	11000236	Đặng Thiện Nhân	19/04/2009	Nam	11B9	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: KTPL (11B8,9,10,11) - PHÒNG: 31

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000240	Phạm Đỗ Hoài Nhất	20/04/2009	Nam	11B11	
2	11000244	Đinh Thị Hồng Nhi	28/07/2008	Nữ	11B11	
3	11000247	Hồ Thị Bảo Nhi	04/07/2009	Nữ	11B10	
4	11000249	Lương Thị Yến Nhi	21/06/2009	Nữ	11B8	
5	11000253	Phạm Thị Yến Nhi	21/04/2009	Nữ	11B11	
6	11000254	Tạ Thị Ái Nhi	12/10/2009	Nữ	11B10	
7	11000256	Võ Thị Uyên Nhi	06/02/2009	Nữ	11B8	
8	11000258	Tiêu Thị Hồng Nhiên	14/06/2009	Nữ	11B10	
9	11000263	Võ Thị Thu Nhung	08/01/2009	Nữ	11B8	
10	11000264	Đoàn Thị Huỳnh Như	01/06/2009	Nữ	11B11	
11	11000271	Đỗ Nguyễn Quốc Ninh	25/01/2009	Nam	11B9	
12	11000277	Nguyễn Bùi Phương Ny	09/04/2009	Nữ	11B9	
13	11000281	Nguyễn Việt Phương Oanh	05/05/2009	Nữ	11B8	
14	11000285	Đào Thị Quỳnh Phi	30/10/2009	Nữ	11B8	
15	11000287	Đỗ Duy Phin	10/10/2009	Nam	11B11	
16	11000290	Nguyễn Vũ Phong	27/04/2009	Nam	11B11	
17	11000293	Đàm Việt Phú	12/09/2009	Nam	11B10	
18	11000294	Huỳnh Thị Thu Phú	25/06/2009	Nữ	11B8	
19	11000295	Trần Lê Phú	03/01/2009	Nam	11B10	
20	11000298	Trần Thanh Phúc	06/12/2009	Nam	11B9	
21	11000299	Nguyễn Hoàng Phước	01/06/2009	Nam	11B8	
22	11000301	Nguyễn Văn Phước	03/09/2009	Nam	11B9	
23	11000305	Đặng Hà Phương	29/11/2009	Nữ	11B9	
24	11000309	Nguyễn Thị Phước Quý	26/08/2009	Nữ	11B10	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: KTPL (11B8,9,10,11) - PHÒNG: 32

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000310	Nguyễn Thị Cẩm Quyên	27/08/2009	Nữ	11B8	
2	11000312	Phan Thị Ngọc Quyên	05/09/2009	Nữ	11B9	
3	11000318	Bùi Xuân Quỳnh	25/10/2009	Nam	11B9	
4	11000319	Cao Thị Như Quỳnh	02/11/2009	Nữ	11B11	
5	11000322	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	30/12/2009	Nữ	11B9	
6	11000325	Đặng Tấn Rìn	20/10/2009	Nam	11B10	
7	11000326	Dương Tấn Sang	15/01/2009	Nam	11B11	
8	11000338	Võ Lâm Thái	09/07/2009	Nam	11B10	
9	11000343	Bùi Thị Thu Thảo	09/07/2009	Nữ	11B11	
10	11000344	Huỳnh Thị Kim Thảo	22/10/2009	Nữ	11B10	
11	11000345	Nguyễn Ngọc Thảo	21/08/2009	Nữ	11B10	
12	11000346	Nguyễn Thị Thu Thảo	04/07/2009	Nữ	11B11	
13	11000348	Nguyễn Thị Hồng Thắm	15/01/2009	Nữ	11B8	
14	11000350	Phạm Thị Hoàng Thắm	04/01/2009	Nữ	11B8	
15	11000353	Thới Lê Nhất Thiên	06/10/2009	Nam	11B8	
16	11000354	Hồ Ngọc Thiện	25/11/2009	Nam	11B9	
17	11000362	Nguyễn Thái Thông	21/02/2009	Nam	11B10	
18	11000367	Trương Thị Phương Thúy	01/05/2009	Nữ	11B10	
19	11000368	Lê Thị Thuyền	25/08/2009	Nữ	11B11	
20	11000369	Bùi Nguyễn Khánh Thư	09/08/2009	Nữ	11B11	
21	11000370	Bùi Võ Quý Thư	03/12/2009	Nữ	11B10	
22	11000371	Lê Anh Thư	04/07/2009	Nữ	11B10	
23	11000372	Nguyễn Anh Thư	29/11/2009	Nữ	11B11	
24	11000377	Nguyễn Thị Anh Thư	25/10/2009	Nữ	11B9	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: KTPL (11B8,9,10,11) - PHÒNG: 33

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000378	Nguyễn Thị Anh Thư	18/12/2009	Nữ	11B10	
2	11000382	Tiêu Thị Quỳnh Thư	30/06/2009	Nữ	11B8	
3	11000383	Vũ Thị Anh Thư	20/10/2009	Nữ	11B8	
4	11000384	Nguyễn Thanh Thức	23/01/2009	Nam	11B10	
5	11000387	Bùi Bảo Thy	11/07/2009	Nữ	11B8	
6	11000392	Lê Thị Kim Tiên	02/04/2009	Nữ	11B9	
7	11000393	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	23/03/2009	Nữ	11B9	
8	11000395	Võ Thị Kim Tiên	19/03/2009	Nữ	11B10	
9	11000396	Trần Mạnh Tiến	12/04/2009	Nam	11B9	
10	11000397	Nguyễn Tấn Tĩnh	12/02/2009	Nam	11B9	
11	11000398	Trần Thị Kim Tỏa	27/01/2009	Nữ	11B9	
12	11000408	Lê Đặng Thùy Trâm	03/03/2009	Nữ	11B10	
13	11000409	Nguyễn Lê Ngọc Trâm	11/02/2009	Nữ	11B9	
14	11000410	Phạm Minh Trâm	31/08/2009	Nữ	11B9	
15	11000412	Tiêu Bảo Trâm	19/05/2009	Nữ	11B11	
16	11000417	Nguyễn Ngọc Bảo Trinh	28/02/2009	Nữ	11B10	
17	11000418	Nguyễn Thị Kiều Trinh	29/12/2009	Nữ	11B9	
18	11000419	Phạm Trương Trinh	20/11/2009	Nữ	11B10	
19	11000420	Võ Ngọc Trinh	22/10/2009	Nam	11B9	
20	11000421	Hà Lê Minh Trọng	01/05/2009	Nam	11B9	
21	11000426	Nguyễn Chí Trung	15/06/2009	Nam	11B10	
22	11000428	Nguyễn Huỳnh Phi Trường	22/09/2009	Nam	11B8	
23	11000430	Nguyễn Thanh Đan Trường	16/08/2008	Nam	11B11	
24	11000434	Phan Bùi Tuấn Tú	31/01/2009	Nam	11B8	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: KTPL (11B8,9,10,11) - PHÒNG: 34

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000437	Nguyễn Thanh Tuấn	30/05/2009	Nam	11B8	
2	11000438	Nguyễn Thanh Tuấn	07/04/2009	Nam	11B10	
3	11000441	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	20/02/2009	Nữ	11B9	
4	11000443	Đỗ Phạm Ánh Tuyết	25/10/2009	Nữ	11B11	
5	11000445	Nguyễn Văn Tý	28/11/2009	Nam	11B9	
6	11000446	Bùi Ngọc Phương Uyên	18/10/2009	Nữ	11B11	
7	11000449	Nguyễn Thị Vần	24/10/2009	Nữ	11B8	
8	11000451	Phạm Thị Yến Vi	30/04/2009	Nữ	11B9	
9	11000453	Đặng Lan Viên	14/11/2009	Nữ	11B8	
10	11000455	Nguyễn Duy Việt	01/09/2009	Nam	11B10	
11	11000457	Đỗ Hữu Vin	17/09/2009	Nam	11B10	
12	11000458	Lê Phạm Văn Vin	01/08/2009	Nam	11B9	
13	11000460	Dương Thế Vũ	01/10/2009	Nam	11B10	
14	11000461	Đỗ Ngọc Vũ	20/10/2009	Nam	11B10	
15	11000462	Phạm Hoàng Vũ	16/04/2009	Nam	11B11	
16	11000467	Đặng Thị Nhật Vy	26/10/2009	Nữ	11B10	
17	11000468	Phạm Hà Vy	12/04/2009	Nữ	11B8	
18	11000469	Trần Phạm Thanh Vy	01/08/2009	Nữ	11B9	
19	11000470	Lê Thị Kim Xuân	27/08/2009	Nữ	11B10	
20	11000471	Bùi Hà Như Ý	07/07/2009	Nữ	11B9	
21	11000477	Mai Bảo Yến	17/12/2009	Nữ	11B11	
22	11000478	Nguyễn Hoàng Kim Yến	29/04/2009	Nữ	11B10	
23	11000479	Nguyễn Thị Phi Yến	04/02/2009	Nữ	11B10	
24	11000483	Võ Thị Kim Yến	16/07/2009	Nữ	11B11	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm